

Số: 015/GMD/KT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2010

V/v: “Điều chỉnh số liệu trong báo cáo hợp nhất năm 2008 ”

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Tiếp theo công văn số 012/GMD/KT ngày 27 tháng 01 năm 2010, chúng tôi đã điều chỉnh số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008 đã bao gồm số liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển Vũng Tàu như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cũ	Số liệu điều chỉnh lại
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>			
Tài sản ngắn hạn	100	975.557.342.580	1.004.367.582.580
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	172.153.997.594	200.964.237.594
Tiền	111	158.653.997.594	187.464.237.594
Tài sản dài hạn	200	2.568.599.967.038	3.136.559.967.038
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	620.106.937.664	1.224.119.265.585
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	226.318.513.210	830.330.841.131
Tổng cộng tài sản	270	3.544.157.309.619	4.140.927.549.619
Nợ phải trả	300	1.485.208.905.413	1.769.191.772.613
Nợ dài hạn	320	796.393.302.284	1.080.373.302.284
Phải trả dài hạn khác	323	25.714.513.302	309.694.513.302
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	2.036.142.843.182	2.234.934.004.142
Vốn chủ sở hữu	410	2.030.295.492.231	2.229.086.653.191
Lợi nhuận chưa phân phối	419	81.873.646.838	280.664.807.798
Lợi ích cổ đông thiểu số	500	22.805.561.022	136.801.772.862
Tổng cộng nguồn vốn	430	3.544.157.309.619	4.140.927.549.619
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh hợp nhất</i>			
Thu nhập khác	31	5.297.067.392	289.277.067.392
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60	(145.096.874.110)	138.893.365.890
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70	(165.160.052.265)	118.827.320.535
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		(166.983.786.725)	31.807.374.235
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		(3.515)	670

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cũ</u>	<u>Số liệu điều chỉnh lại</u>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>			
Lợi nhuận trước thuế	01	(145.096.874.110)	138.893.365.890
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	375.463.092.144	122.641.004.224
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	580.962.315	313.360.962.315
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(819.050.944.523)	(850.198.616.602)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(846.410.717.430)	(877.558.389.509)
Lưu chuyển thuần trong năm	50	(109.789.144.773)	(80.978.904.773)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	172.153.997.594	200.964.237.593

Trân trọng kính chào.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Cty